

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 9 tháng 9 năm 2022

V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hữu

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Thanh Trà

Ông Huỳnh Trung Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 79a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1965. Địa chỉ: 35 K, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị N. Sinh năm 1969. Địa chỉ: 35 K, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa ông Lê Văn L trình bày:

Ông và bà Trần Thị N tự nguyện kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tiền bạc nên ông bỏ vào Sài Gòn làm ăn. Đến nay vợ chồng ông sống ly thân, ông nhận thấy tình cảm không còn nên xin được ly hôn

bà N.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Lê Thị H, sinh ngày 27/8/1996 và Lê Thị N, sinh ngày 09/01/1998. Hai con H và N đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập để tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tại biên bản hòa giải ngày 04/7/2022 và biên bản lấy lời khai bà Trần Thị N ngày 04/7/2022, bà Trần Thị N trình bày thống nhất với toàn bộ phần trình bày của ông L về thời gian, điều kiện, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Quá trình chung sống bà thừa nhận vợ chồng không mâu thuẫn, ông L nghe lời người phụ nữ khác cho rằng bà có quan hệ bất chính nên tự ý ra ngoài ở riêng dẫn đến hai người sống hai nơi ly thân từ năm 2019. Bà xác định bà vẫn còn tình cảm nên bà không đồng ý ly hôn. Trường hợp ông L nhất quyết ly hôn bà cũng đồng ý.

- Về con chung: Bà thống nhất có 02 con chung tên là Lê Thị H sinh ngày 27/8/1996 và Lê Thị N, sinh ngày 09/01/1998. Hai con H và N đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng bà có nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, số tiền nợ bao nhiêu bà không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn L đối với bà Trần Thị N

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Trần Thị N, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Trong vụ án này, bị đơn là bà Trần Thị N có địa chỉ tại quận Hải Châu,

thành phố Đà Nẵng, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Lê Văn L, bà Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L thì thấy:

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Lê Văn L và bà Trần Thị N là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, tiền bạc nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng ông L, bà N đã sống ly thân từ năm 2019, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy hạnh phúc gia đình chỉ có thể đạt được khi cả hai vợ chồng cùng chung tay xây dựng gia đình. Bản thân ông L xác định không còn yêu thương bà N và kiên quyết ly hôn; bà N xác định nếu ông L kiên quyết ly hôn bà cũng đồng ý. Hiện nay cả hai đã sống ly thân từ năm 2019, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng ông L, bà N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu được giải quyết ly hôn của ông Lê Văn L với bà Trần Thị N theo luật Hôn nhân và gia đình là hoàn toàn chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Lê Văn L, bà Trần Thị N đều xác định có 02 con chung tên là Lê Thị H, sinh ngày 27/8/1996 và Lê Thị N, sinh ngày 09/01/1998. Hai con H và N đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Lê Văn L, bà Trần Thị N cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị N cho rằng còn nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng nhưng không rõ số tiền bao nhiêu. Ngày 03/8/2022 Tòa án có văn bản số 370/CV-TA gửi Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng để xác minh. Ngày 08/8/2022 Ngân hàng có văn bản phúc đáp ông L, bà N không nợ khoản vay nào tại Ngân hàng. Tại phiên tòa ông Lê Văn L xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Lê Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn L được ly hôn với bà Trần Thị N.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Lê Văn L, bà Trần Thị N đều xác định có 02 con chung tên là Lê Thị H, sinh ngày 27/8/1996 và Lê Thị N, sinh ngày 09/01/1998. Hai con H và N đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Văn L, bà Trần Thị N không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005789 ngày 25/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q Hải Châu;
- Cơ quan THADS Q. Hải Châu;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu

